

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẠ HÒA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /2021/HNGĐ-ST.

Ngày 28-5-2021

*V/v Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lạc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Trung Kiên

2. Bà Chu Thị Ngọc Lan

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thoan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:***  
Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 13 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ

Hiện ở tại: E12/29P Đường T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt M, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu 13 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ

Hiện ở tại: Tổ 1 Ấp D, xã D, Thành phố P, tỉnh K

(Chị T, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Việt M vào ngày 07/01/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Phú thọ ( nay là xã H ) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế, do anh M chơi bời, nợ nần, không

quan tâm đến gia đình. Từ những nguyên nhân mâu thuẫn đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí có lần anh M đã đánh chị. Từ đầu năm 2020 do vợ chồng mâu thuẫn nên mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn An N, sinh ngày 23/7/2015. Hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn, quan điểm của chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai của TAND Thành phố P, tỉnh Kiên Giang ngày 28/4/2021, anh Nguyễn Việt M là bị đơn xác nhận anh và chị Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ ngày 07/01/2015. Anh M công nhận lời trình bày của chị T tại TAND huyện Hạ Hòa về tình trạng hôn nhân của vợ chồng là đúng. Đến nay chị T xin ly hôn, anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn An N, sinh ngày 23/7/2015, hiện cháu đang ở với chị T. Ly hôn, anh M nhất trí chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh không phải cấp dưỡng do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt tại phiên tòa

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập tham gia các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ. Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt theo quy định của BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M. Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn An N, sinh ngày 23/7/2015 kể từ tháng 05/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Chị T, anh M đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định

của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: các bên đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí LHST: Chị T phải chịu 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc theo quy định của BLTTDS. Bị đơn đang lao động tự do tại Thành phố P, tỉnh Kiên Giang, do vậy Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định của BLTTDS. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 điều 207 - BLTTDS. Chị T, anh M đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 điều 228, khoản 1 điều 238 – BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Việt M kết hôn ngày 07/01/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ ( nay là xã H ) hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Các bên đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát. Mâu thuẫn giữa vợ chồng không hòa giải được, do vậy từ đầu năm 2020 mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị T và anh M xác định không thể tồn tại cuộc sống chung của vợ chồng như hiện nay khi mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh M cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị T và anh M đã thật sự trầm trọng. Việc chị T và anh M thống nhất quan điểm ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị T và cần xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị T và anh M.

[3] Về con chung: Chị T, anh M đều xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn An N, sinh ngày 23/7/2015. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M cũng nhất trí chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Sự thỏa thuận trên của các đương sự phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Cần xử cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn An N kể từ tháng 05/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu

cầu. Các bên đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Chị T phải chịu 300.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, điều 57,58, 81,82,83 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228, điều 238 – BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Việt M.

2- Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu: Nguyễn An N, sinh ngày 23/7/2015 kể từ tháng 05/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Chị T, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh M thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí LHST: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng ) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng ) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0002660 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. ( xác nhận chị T đã nộp đủ )

Chị T, anh M có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H;
- CC THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Lạc**